

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST

Ngày 14/02/2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Xuân Toàn

2. Bà Ksor H' Séo

Thư ký phiên toà: Ông Dương Nam Anh Chinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Xây – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Ia Sâm, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Đào Xuân T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Ia Sâm, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2021; bản tự khai ngày 16/11/2021; biên bản về việc không tiến hành hoà giải được vào các ngày 14/12/2021 và 30/12/2021 và tại phiên toà, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Đào Xuân T tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2010, tại UBND xã H, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc được 05 năm đầu. Thời gian gần đây giữa vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề, anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị, bản thân chị đã cố gắng níu kéo để duy trì hạnh phúc gia đình và nhiều lần bỏ qua nhưng anh T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị và

anh T đã sống ly thân nhau. Hiện tại, chị thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đào Xuân T.

- *Về việc nuôi con chung*: Vợ chồng chị có 03 con chung là Đào Thị Như T1, sinh ngày 11/3/2011; Đào Xuân T2, sinh ngày 22/9/2013 và Đào Thị Như T3, sinh ngày 30/4/2017. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T3, giao cho anh Thọ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T1 và cháu T2. Chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung (*Do anh T có điều kiện kinh tế ổn định hơn chị, sau khi ly hôn chị để lại toàn bộ tài sản, nhà cửa cho anh T*). Hiện tại, anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 và cháu T2, bản thân chị không có nhà ở, thu nhập không ổn định nên nếu Tòa án chấp nhận giao cháu T1 và cháu T2 cho anh T nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho các cháu về mọi mặt. Bản thân cháu T1 và cháu T2 có nguyện vọng muốn được sống với anh T sau khi vợ chồng chị ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Đào Xuân T: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh Đào Xuân T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh T đến tham gia phiên tòa nhưng anh tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Tại phiên tòa, chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H. Xử cho chị Bùi Thị H và anh Đào Xuân T ly hôn.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị giao cho chị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm

sóc và giáo dục con chung là Đào Thị Như T3, sinh ngày 30/4/2017. Giao cho anh Đào Xuân T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Đào Thị Như T1, sinh ngày 11/3/2011; Đào Xuân T2, sinh ngày 22/9/2013. Chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Chị Bùi Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Đào Xuân T. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống thường xuyên tại thôn Ia Sâm, xã IR, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H với anh Đào Xuân T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2010, tại UBND xã IS, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách nên không có tiếng nói chung. Anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị H và bạo hành gia đình. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị H đã bỏ nhà vào thành phố H làm ăn, sinh sống mà không còn quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhằm duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng anh đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và không có ý định duy trì cuộc sống hôn nhân. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con

Quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị giao cho anh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Đào Thị Như T1, sinh ngày 11/3/2011; Đào Xuân T2, sinh ngày 22/9/2013, giao cho chị trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đào Thị Như T3, sinh ngày 30/4/2017. Chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện tại anh T đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các cháu T1 và T2, bản thân anh T có chỗ ở và thu nhập ổn định hơn chị H. Sau khi ly hôn chị H giao lại toàn bộ tài sản cho anh T, các cháu T1 và T2 đều có nguyện vọng muốn được sống với anh T sau khi anh chị ly hôn. Riêng cháu T3 hiện còn nhỏ nên giao cho chị H trông nom, nuôi dưỡng sau khi chị và anh T ly hôn sẽ đảm bảo hơn về mọi mặt cho cháu.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị H và xem xét nguyện vọng của các con chung, thấy rằng cần tiếp tục giao cho chị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Đào Thị Như T3, sinh ngày 30/4/2017; giao cho anh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Đào Thị Như T1, sinh ngày 11/3/2011; Đào Xuân T2, sinh ngày 22/9/2013 để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung.

Do đó, căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Đào Thị Như T3; giao cho anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Đào Thị Như T1, và Đào Xuân T2.

Chị H và anh T không yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung:

Các đương sự tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí:

Chị Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn với anh Đào Xuân T.

Về việc nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đào Thị Như T3, sinh ngày 30/4/2017.

Giao cho anh Đào Xuân T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Đào Thị Như T1, sinh ngày 11/3/2011 và Đào Xuân T2, sinh ngày 22/9/2013. Chị H và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của chị H và anh T tính từ ngày 14/02/2022 cho đến khi các con chung thành niên, hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị H, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005714 ngày 15/11/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung công quỹ.

Quyền kháng cáo: Chị H và anh T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CP;
- Chi cục THA DS huyện CP;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Đặng Ngọc Trung